

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TA LINH  
TỈNH B THUẬN.**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc.**

Bản án: **08/2018/DS - ST.**

Ngày: 23/3/2018.

V/v: “*Tranh chấp về hợp đồng dân sự  
vay T sản và tranh chấp về hụi*”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TA LINH TỈNH B THUẬN**

***Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Yên.

*Các hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Lưu Xuân Vĩnh  
2. Ông Giáp Hà Tĩnh.

*Thư ký phiên tòa:* Ông Hồ Văn KhA – Thư ký Tòa án nhân dân huyện TA Linh, tỉnh B Thuận.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TA Linh tỉnh B Thuận tham gia phiên toà:* Ông Nguyễn Ngọc Thắng - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 3 năm 2018 tại phòng xử án, Tòa án nhân dân huyện TA Linh, tỉnh B Thuận; xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 138/2017/TLST - DS, ngày 03 tháng 10 năm 2017, về “*Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay T sản và tranh chấp về hụi*”; theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2018/QĐXXST – DS, ngày 05/01/2018, giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** Chị Nguyễn Thị B, sinh năm 1982; địa chỉ: Xóm 2 - Thôn 7 – xã G – huyện T - B Thuận: Có mặt.

- ***Bị đơn:*** Chị Trương Thị A, sinh năm 1982; địa chỉ: Xóm 1 - Thôn 4, xã G – huyện T - B Thuận: Vắng mặt.

- ***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

+ Anh Lê Sỹ T, sinh năm 1979; địa chỉ: Xóm 2 - Thôn 7, xã G, huyện T- B Thuận. Đã ủy quyền cho nguyên đơn - Chị Nguyễn Thị B theo giấy ủy quyền ngày 29/12/2017.

+ Anh Nguyễn Minh P, sinh năm 1984; địa chỉ: Xóm 1 - Thôn 4, xã G – huyện T - B Thuận: Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*[1] Trong đơn khởi kiện ngày và các T liệu, chứng cứ được thu thập trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn - Chị Nguyễn Thị B trình bày như sau:*

Vào tháng 02/2017 chị Nguyễn Thị B làm chủ một tổ hội có 13 người tham gia chơi; với số tiền đóng hàng tháng là 3.000.000đ. Chị Trương Thị A tham gia chơi chân hội này. Đến tháng 02/2017 chị A là người hốt hội đầu tiên. Sau đó, chị A phải có trách nhiệm đóng hội chết hàng tháng cho chị B đến khi mãn hội (tháng 01/2018). Thế nhưng, từ khi hốt hội cho đến nay chị A không đóng hội chết cho chị B theo đúng thỏa thuận giữa hai bên, mà chỉ đóng cho chị B được số tiền là 5.000.000đ. Tính đến tháng 01/2018 chị A còn nợ tiền hội của chị B là 31.000.000đ. Chị B yêu cầu chị A phải trả số tiền này và không yêu cầu tính lãi.

Ngoài ra, tháng 02/2017 chị A còn vay chị B số tiền 4.000.000đ, đến nay vẫn chưa trả số tiền này. Cho nên, chị B khởi kiện yêu cầu vợ chồng chị A phải trả số tiền 4.000.000đ và không yêu cầu tính lãi.

Tổng cộng số tiền mà hiện nay vợ chồng chị A còn nợ chị B là 35.000.000đ, trong đó gồm 31.000.000đ tiền hội và 4.000.000đ tiền vay.

*[2] Trong các T liệu, chứng cứ được thu thập trong hồ sơ vụ án bị đơn - Chị Trương Thị A trình bày như sau:*

Vào tháng 02/2017 chị A có tham gia chơi chân hội do chị Nguyễn Thị B làm chủ với số tiền đóng hàng tháng là 5.000.000đ; tổng số người tham gia là 13 người; đến tháng 01/2018 sẽ mãn hội. Chị A là người hốt hội đầu tiên vào tháng 2/2017 và có trách nhiệm đóng hội chết hàng tháng cho chị B là 5.000.000đ cho đến khi mãn hội (tháng 01/2018). Thế nhưng, chị A đã không đóng theo thỏa thuận giữa hai bên mà tính từ tháng 02/2017 cho đến tháng 10/2017 chị A chỉ đóng cho chị B được số tiền là 5.000.000đ. Đến tháng 10/2017 chị A còn nợ tiền hội của chị B là 19.000.000đ.

Chị Trương Thị A thừa nhận còn nợ chị B số tiền là 4.000.000đ. Chị B khởi kiện yêu cầu vợ chồng chị A phải có trách nhiệm trả số tiền này thì chị A đồng ý. Thế nhưng, hiện nay điều kiện kinh tế gia đình khó khăn nên chị A xin trả hàng tháng cho chị B số tiền 1.000.000đ cho đến khi trả hết số tiền còn nợ.

*[3] Trong các T liệu, chứng cứ được thu thập trong hồ sơ vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Minh P trình bày như sau:*

Chị Trương Thị A là vợ của anh P. Thời gian qua, việc chị A có tham gia chơi hội hay vay mượn tiền gì của chị Nguyễn Thị B thì anh P không biết. Do đó, việc chị B khởi kiện anh P phải có trách nhiệm cùng chị A trả tiền nợ còn thiếu thì anh P không đồng ý.

*Trong phần tranh luận, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TA Linh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, các đương sự và phát biểu về quan điểm giải quyết vụ án như sau:*

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã tuân thủ theo đúng các quy định về pháp luật tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

- Việc chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, các đương sự chấp hành theo đúng quy định của pháp luật.

- Quan điểm giải quyết vụ án:

Đề nghị xem xét áp dụng:

- Khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35 và các Điều 146, 147, 203 BLTTDS năm 2015.

- Các Điều 463, 466, 471 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Điều 30 Nghị định 144/2006/NĐ - CP, ngày 27/11/2006 về hộ, hộ, biên, phường.

- Điều 37 Luật HNGĐ năm 2014.

- Nghị quyết 326 về lệ phí, án phí

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị B: Buộc vợ chồng chị Trương Thị A, anh Nguyễn Minh P phải trả cho vợ chồng chị Nguyễn Thị B số tiền 35.000.000đ. Trong đó, 31.000.000đ tiền hộ chết tính đến tháng 02/2018 và 4.000.000đ tiền nợ vay.

Về án phí: Vợ chồng chị Trương Thị A phải nộp 1.750.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho chị Nguyễn Thị B số tiền 925.000đ tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*[1] Về quan hệ pháp luật trong vụ án:*

Tại phiên tòa, chị Nguyễn Thị B yêu cầu vợ chồng chị Trương Thị A, anh Nguyễn Minh P phải trả cho chị B tổng số tiền là 35.000.000đ, trong đó gồm 31.000.000đ tiền hộ hộ và 4.000.000đ tiền nợ vay. Do đó, Hội đồng xét xử, xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án là “*Tranh chấp về hộ hộ dân sự vay T sản và tranh chấp về hộ hộ*” là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 26 BLTTDS và các Điều 463, 471 BLDS. Cho nên, vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện TA Linh theo quy định tại khoản 1 Điều 35 BLTTDS.

*[2] Xét yêu cầu của nguyên đơn - Chị Nguyễn Thị B về nợ hộ hộ:*

Hội đồng xét xử xét thấy: Vào ngày 02/2017 chị Trương Thị A có tham gia chơi một tổ hộ hộ do chị Nguyễn Thị B làm chủ với số tiền đóng hộ hộ tháng là 3.000.000đ; có 13 người tham gia chơi. Chị Trương Thị A là người hộ hộ đầu tiên vào tháng 02/2017. Cho nên, chị A phải có trách nhiệm đóng hộ hộ chết bắt đầu từ tháng 02/2017 cho đến tháng 01/2018. Tính đến tháng 01/2018 chị A phải có trách nhiệm đóng tiền hộ hộ chết là 36.000.000đ; thế nhưng chị A chỉ đóng cho chị B được 5.000.000đ. Số tiền còn nợ chị B liên quan đến việc chơi hộ hộ mở vào tháng

02/2017 là 31.000.000đ. Do đó, chị B yêu cầu chị A phải trả lại số tiền này và không yêu cầu tính lãi.

Tại biên bản đối chất ngày 16/10/2017 chị Trương Thị A thừa nhận còn nợ tiền hụi của chị B (tính đến tháng 10/2017) là 19.000.000đ. Tại phiên tòa, chị B xác định từ tháng 10/2017 cho đến nay chị A chưa đóng tiền hụi hàng tháng theo thỏa thuận, nên tổng số tiền hụi còn nợ là 31.000.000đ.

Xét thấy: Yêu cầu của Chị B về việc buộc chị Trương Thị A phải trả số tiền nợ hụi 31.000.000đ là có căn cứ để chấp nhận và phù hợp với quy định tại Điều 471 BLDS năm 2015 và Nghị định số 144/2016/NĐ - CP, ngày 27/11/2016 của Chính phủ.

*[3] Xét yêu cầu của chị Nguyễn Thị B về tranh chấp vay T sản với chị Trương Thị A:*

Chị Nguyễn Thị B khai nhận: Vào tháng 02/2017 có cho chị A vay số tiền 4.000.000đ đến nay chị A vẫn chưa trả số tiền này. Cho nên, chị B yêu cầu chị A phải trả số tiền 4.000.000đ và không yêu cầu tính lãi.

Tại biên bản đối chất ngày 16/10/2017 thể hiện chị Trương Thị A còn nợ chị B số tiền vay là 4.000.000đ.

Xét thấy: Yêu cầu của chị B là có căn cứ và phù hợp với quy định tại các Điều 463, 466 BLDS năm 2015. Cho nên, cần buộc chị A phải có trách nhiệm trả cho chị Nguyễn Thị B số tiền 4.000.000đ.

*[4] Xét về nghĩa vụ trả tiền nợ hụi và nợ vay:*

Hội đồng xét xử xét thấy: Mặc dù tại biên bản ghi lời khai của anh P xác định không có biết gì liên quan đến số tiền còn nợ chị B. Thế nhưng, chị B xác định chị A hốt hụi và mượn tiền sử dụng để lấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là T sản chung của chị A, anh P. Chị A sử dụng số tiền này vào mục đích chi phí sinh hoạt trong gia đình. Trong thời gian này, chị A và anh P vẫn còn chung sống với nhau. Do đó, có đủ căn cứ xác định số tiền mà chị A hốt hụi và vay chị B là nợ chung của chị A và anh P. Do đó, cần buộc vợ chồng chị A, anh P phải có trách nhiệm trả số tiền 35.000.000đ cho vợ chồng anh T, chị B là phù hợp.

*[5] Về tiền lãi:*

Tại phiên tòa, chị Nguyễn Thị B không có yêu cầu trả tiền lãi phát sinh trên số tiền nợ hụi và nợ vay nên Hội đồng xét xử không xét đến.

*[6] Về án phí:* Do yêu cầu của phía nguyên đơn - Chị Nguyễn Thị B được chấp nhận nên cần buộc bị đơn - Chị Trương Thị A và anh Nguyễn Minh P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án là phù hợp với quy định tại Điều 147 BLTTDS và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH, ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH

### **Căn cứ vào:**

- Khoản 3 Điều 26; khoản 1 điều 35, các điều 147, 273 của Bộ luật tố tụng Dân sự.
- Các Điều 463, 466, 471, 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015.
- Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ;
- Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa IV về án phí, lệ phí.

### **Tuyên xử:**

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị B đối với chị Trương Thị A, anh Nguyễn Minh P về việc trả tiền nợ hụi phát sinh trong tổ hụi mở vào tháng 02/2017:

Xử buộc chị Trương Thị A, anh Nguyễn Minh P phải có trách nhiệm trả cho chị Nguyễn Thị B, anh Lê Sỹ T số tiền nợ hụi là 31.000.000đ (ba mươi một triệu đồng).

Chia phần: Chị Trương Thị A phải trả cho chị Nguyễn Thị B, anh Lê Sỹ T số tiền là 15.500.000đ (mười lăm triệu năm trăm ngàn đồng).

Anh Nguyễn Minh P phải trả cho chị Nguyễn Thị B, anh Lê Sỹ T số tiền là 15.500.000đ (mười lăm triệu năm trăm ngàn đồng).

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - Chị Nguyễn Thị B đối với chị Trương Thị A, anh Nguyễn Minh P về việc trả tiền nợ vay phát sinh từ giao dịch dân sự vay T sản được xác lập vào tháng 02/2017:

Xử buộc chị Trương Thị A, anh Nguyễn Minh P phải có trách nhiệm trả cho chị Nguyễn Thị B, anh Lê Sỹ T số tiền là 4.000.000đ (Bốn triệu đồng).

Chia phần: Chị Trương Thị A phải trả cho chị Nguyễn Thị B, anh Lê Sỹ T số tiền là 2.000.000đ (hai triệu đồng).

- Anh Nguyễn Minh P phải trả cho chị Nguyễn Thị B, anh Lê Sỹ T số tiền là 2.000.000đ (hai triệu đồng).

*Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm trả số tiền nêu trên thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo mức lãi như sau:*

+ Trường hợp các bên có thỏa thuận thì mức lãi suất không được vượt quá 20%/năm.

+ Trường hợp các bên không có thỏa thuận thì mức lãi suất là 10%/năm

- Về án phí: Buộc chị Trương Thị A, anh Nguyễn Minh P phải nộp 1.750.000đ án phí dân sự sơ thẩm sung công quỹ Nhà nước.

Hoàn trả lại cho chị Nguyễn Thị B số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 925.000đ tại biên lai thu tiền số N0. 0012140, ngày 03/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TA Linh.

Án xử sơ thẩm công khai; nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 23/03/2018; Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án Dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự*

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND H.TA Linh;
- CC THA DS H.TA Linh;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Yến**